

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 06 - 2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Dần
2. Ông Nguyễn Mạnh Thìn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Tuyền – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23C/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Anh T - Sinh năm: 2001

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đồng Hương, xã TS, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Nơi ở hiện nay: Thôn ĐN, xã TA, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Bùi Văn Đ – Sinh năm: 1996

Nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện nay: Thôn ĐH, xã TS, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/01/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Anh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/05/2019 tại UBND xã TS, huyện T. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống hoà thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hoà hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Anh, chị đã sống ly thân hơn 03 tháng nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm thực sự không còn

nên chị T đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là cháu Bùi Tuấn T1, sinh ngày 10/07/2019. Kể từ khi sống ly thân, anh Đ không quan tâm gì đến con cái, không thăm nom con chung, cũng không cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Tài đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/03/2023 và quá trình giải quyết vụ án anh Đ trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/05/2019 tại UBND xã TS, huyện T. Sau khi kết hôn có phát sinh mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày, nhưng xét thấy chưa đến mức phải ly hôn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Đ thống nhất với chị T là vợ, chồng có 01 con chung là cháu Bùi Tuấn T1, sinh ngày 10/07/2019. Nếu phải ly hôn anh Đ yêu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nếu sau khi Toà án có Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực pháp luật giao cháu Tài cho chị T nuôi dưỡng thì anh thống nhất trợ cấp nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Tài đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày đề ngày 12/6/2023, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) cũng không nhận được ý kiến nào khác của các đương sự. HĐXX công bố tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét xử theo thủ tục chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83; Điều 107; 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình: Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Anh T được ly hôn anh Bùi Văn Đ. Về con chung: Ly hôn giao cháu Bùi Tuấn T1, sinh ngày 10/07/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi cháu Tài đủ 18 tuổi. Về tài sản, công nợ chung các bên không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, bị đơn là anh Bùi Văn Đ đang cư trú tại thôn Đồng Hương, xã TS, huyện

T, tỉnh Thanh Hoá nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Tại phiên tòa chị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh Đ.

[2]. Về hôn nhân: Chị T và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TS, huyện T, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 23/05/2019. Việc đăng ký kết hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ, chồng tính tình không hòa hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay chị T và anh Đ đang sống ly thân. Việc này đã được Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Đến nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không đồng ý ly hôn với chị T và mong muốn được đoàn tụ. Tuy nhiên anh Đ không có mặt tại các phiên tòa xét xử chứng tỏ anh Đ đã có thái độ bỏ mặc, không tha thiết hàn gắn tình cảm với chị T nữa. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị T và anh Đ đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai đều không còn mong muốn hàn gắn tình cảm nữa. Do đó nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh Đ.

[3]. Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là cháu Bùi Tuấn T1, sinh ngày 10/07/2019. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đơn xin xét xử vắng mặt chị T yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai anh Đ trình bày nếu phải ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nếu sau khi Tòa án có Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực pháp luật giao cháu T1 cho chị T nuôi dưỡng thì anh thống nhất trợ cấp nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Tài đủ 18 tuổi.

Quá trình giải quyết vụ án chị T có cung cấp bản sao Hợp đồng lao động số 932300-HDLD2 ngày 25/09/2021 và bản photo bảng lương các tháng 8, 9, 10, 11/2022 và tháng 01, 02/2023 thể hiện mức thu nhập của chị T hàng tháng là khoảng từ hơn 5.000.000đ đến hơn 7.000.000đ. Đến nay Tòa án cũng không nhận được ý kiến nào khác của các đương sự. Xét thấy từ khi ly thân cháu Tài đang sống cùng với mẹ, hiện nay cháu Tài đang còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Để tránh sự xáo trộn cuộc sống và đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu Tài, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Tài cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Tài đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị T, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị T, anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS 2015; Điều 6, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Anh T được ly hôn anh Bùi Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Tuấn T1, sinh ngày 10/07/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của người chưa thành niên, chị T và anh Đ có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con chưa thành niên khi có điều kiện và chứng cứ hợp pháp

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số AA/2021/0007981 ngày 16/03/2023, chị T đã nộp đủ tiền án phí. Anh Bùi Văn Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị T và anh Đ. Chị T và anh Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã TS;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Quân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Dần

Nguyễn Mạnh Thìn

Lê Văn Quân